TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 306/2025/DS-ST
Ngày: 25-8-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Kiều Oanh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lê Thị Kim Hạnh
2. Ông Phan Minh Thanh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền, thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1240/2024/TLST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2025/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1080/2025/QĐST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty TNHH MBN QT VN; Địa chỉ trụ sở: Tầng 2, số 81 Cách Mạng Tháng Tám, phường Bến Thành (phường Bến Thành, Quận 1 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 2000 (Văn bản ủy quyền lập ngày 11/4/2025) (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị Kim P, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số 24/19 Lê Thị Hồng, phường Gò Vấp (Phường 17, quận Gò Vấp cũ), Tp. Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín có bà Nguyễn Thị Thùy D là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 03/10/2013, bà Trần Thị Kim P và Công ty TNHH MTV Tài chính Prudential Việt Nam (nay đổi tên thành Công ty TNHH Tài Chính MTV SH VN) có ký kết Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10517921. Số tiền vay: 120.000.000 đồng; mục đích vay: tiêu dùng; thời hạn vay: 48 tháng; Phương thức vay: tín chấp, không có tài sản bảo đảm.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng nêu trên, bà P đã thanh toán số tiền là 72.832.400 đồng, bao gồm: nợ gốc 25.386.600 đồng, nợ lãi trong hạn: 47.445.800 đồng. Từ ngày 01/3/2015, bà P ngừng thanh toán và toàn bộ dư nợ được chuyển sang nợ quá hạn.

Ngày 09/9/2022, Công ty TNHH Tài chính TNHH MTV SH Việt Nam ký kết Hợp đồng mua bán nợ số 395-0922/COLLECTION-SVFC với Công ty TNHH MBN QT VN. Theo thỏa thuận, Công ty TNHH Tài chính TNHH MTV SH Việt Nam đã chuyển nhượng cho Công ty TNHH MBN QT VN nhiều Hợp đồng tín dụng cùng khoản nợ tương ứng trong đó bao gồm Hợp đồng tín dụng số 10517921 ngày 03/10/2013 của bị đơn là là Trần Thị Kim P. Sau khi nhận khoản nợ của của P, Công ty TNHH MBN QT VN đã thông báo, đôn đốc, yêu cầu bà P trả nợ nhưng bà P vẫn không thực hiện.

Ngày 23/8/2024, nguyên đơn đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu bà P thanh toán tổng số tiền còn nợ là 200.000.000 đồng. Nay nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà P trả số tiền còn nợ tính đến ngày 09/9/2022 là: Nợ gốc: 94.613.400 đồng, nợ lãi trong hạn: 71.202.975 đồng, nợ lãi quá hạn: 209.213.881 đồng. Tổng cộng số tiền phải trả là: 375.030.256 đồng. Từ sau ngày 09/9/2022, nguyên đơn không yêu cầu bà P trả lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng.

Nguyên đơn yêu cầu bà P thanh toán khoản nợ trên một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra nguyên đơn không còn ý kiến, yêu cầu gì khác.

Bị đơn là bà Trần Thị Kim P mặc dù được được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, triệu tập đến Tòa để ghi nhận ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bà P không đến Tòa, không cung cấp chứng cứ và không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ; thực hiện việc gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngày 09/9/2022, Công ty Tài chính TNHH MTV SH Việt Nam ký kết Hợp đồng mua bán nợ số 395-0922/COLLECTION-SVFC với Công ty TNHH MBN QT VN. Theo đó, Công ty TNHH Tài Chính MTV SH VN bán khoản nợ của bà Trần Thị Kim P tại Hợp đồng tín dụng cá nhân số: 10517921 ngày 03/10/2013 cho Công ty TNHH MBN QT VN. Do đó, Công ty TNHH MBN QT VN là nguyên đơn trong vụ án này.

Công ty TNHH MBN QT VN khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Kim P phải thanh toán số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng, xác định đây là vụ án dân sự "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại phường G (Phường B, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. Căn Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Tp. Hồ Chí Minh.

- Về người tham gia tố tụng:

Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn. Tuy nhiên bị đơn - bà Trần Thị Kim P vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà P.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hợp lệ, nên được Tòa án chấp nhận xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt cho bà P những văn bản cần được cấp, tống đạt như: giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bà P vắng mặt, không nộp *(gửi)* cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình, không cung cấp tài liệu chứng cứ để xác nhận hoặc phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: "Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc"

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng cá nhân số 10517921 ngày 03/10/2013 và giấy nhận nợ ngày 03/10/2013 được ký giữa bà Trần Thị Kim P và Công ty TNHH Một thành viên Tài chính Prudential Việt Nam (Sau này là Công ty TNHH Tài Chính MTV SH VN) cho thấy việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật, nội dung mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật tại Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ hợp đồng tín dụng mà nguyên đơn cung cấp thể hiện bị đơn - bà P có vay của Công ty TNHH Một thành viên Tài chính Prudential Việt Nam (Sau này là Công ty TNHH Tài Chính MTV SH VN) số tiền là 120.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng bà P đã trả được 72.832.400 đồng (trong đó trả nợ gốc là 25.386.600, trả nợ lãi trong hạn là 47.455.800 đồng). Từ ngày 01/3/2015, bà P không trả nợ gốc là vi phạm nội dung thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng. Tính đến ngày 09/9/2022, bà P còn nợ Công ty TNHH MBN QT VN số tiền nợ gốc là: 94.613.400 đồng. Do bà P vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện là có cơ sở để chấp nhận.

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thời điểm giao kết và thực hiện hợp đồng, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: "*Trường hợp có quy định khác nhau giữa luật này và các luật khác có liên quan về thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể tổ chức tín dụng; việc thành lập, tổ chức, hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng thì áp dụng theo quy định của Luật này*", theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*". Do vậy, đối với hợp đồng vay mà một bên là tổ chức tín dụng thì lãi suất của hợp đồng vay được thực hiện theo thỏa thuận.

Hội đồng xét xử xét thấy lãi suất của hợp đồng tín dụng số 10517921 ngày 03/10/2013 mà các bên đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật. Tính đến ngày 09/9/2022, bà P còn nợ số tiền nợ lãi là: lãi trong hạn 71.202.975 đồng, nợ lãi quá hạn 209.213.881 đồng. Do nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu bà P tiếp tục trả lãi từ sau ngày 09/9/2022 cho đến khi trả hết nợ là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trần Thị Kim P phải có nghĩa vụ trả số tiền cho Công ty TNHH MBN QT VN tổng số tiền còn nợ là 375.030.256 đồng (trong đó: nợ gốc 94.613.400 đồng, nợ lãi trong hạn 71.202.975 đồng, nợ lãi quá hạn 209.213.881 đồng). Do bà P vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà P thực hiện nghĩa vụ thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên chấp nhận.

[3] Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nguyên đơn không phải chịu án phí và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn phải chịu án phí là 18.751.512 (mười tám triệu bảy trăm năm mươi mốt nghìn năm trăm mười hai) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sử đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MBN QT VN.

Buộc bà Trần Thị Kim P phải thanh toán cho Công ty TNHH MBN QT VN số tiền là 375.030.256 (ba trăm bảy mươi lăm triệu không trăm ba mươi nghìn

hai trăm năm mươi sáu) đồng (trong đó: nợ gốc 94.613.400 đồng, nợ lãi trong hạn 71.202.975 đồng, nợ lãi quá hạn 209.213.881 đồng).

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không thi hành thì bị đơn còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị Kim P phải chịu số tiền án phí là 18.751.512 (mười tám triệu bảy trăm năm mươi mốt nghìn năm trăm mười hai) đồng.

Hoàn lại cho Công ty TNHH MBN QT VN số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.000.000 (năm triệu) đồng theo biên lai thu số 0014923 ngày 28/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 7), Tp. Hồ Chí Minh.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo: Công ty TNHH MBN QT VN và bà Trần Thị Kim P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND KV7-Tp. HCM;
- THADS Tp. HCM;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Kiều Oanh